

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Năm báo cáo: Năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổng quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106953041
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.500.000.000 đồng
- Địa chỉ: Km15+200 quốc lộ 1A Thôn Yên Phú , xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 043.6366506
- Số fax: 043.6366507
- Website: vantailienninh.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- *Quá trình hình thành và phát triển:*
 - ✓ Ngày 1/7/2011 Trung tâm hạ tầng vận tải thành lập
 - ✓ Ngày 20/12/2012 Chuyển từ Trung tâm hạ tầng vận tải lên thành Xí nghiệp xe Buýt Liên Ninh
 - ✓ Ngày 31/7/2015 Công ty có giấy phép đăng ký kinh doanh do sở Kế hoạch và đầu tư cấp và thay đổi lần 3 ngày 10/10/2016 (Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/05/2015 về việc chuyển Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội thành Công ty cổ phần.

✓ Ngày được chấp thuận là công ty đại chúng: 13/01/2016

- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.
- Địa bàn kinh doanh: Km 15+200, quốc lộ 1A, Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Theo điều lệ hoạt động công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh
- Cơ cấu bộ máy quản lý. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh bao gồm:
 - o Đại Hội đồng cổ đông
 - o Hội đồng quản trị
 - o Ban kiểm soát
 - o Giám đốc, các phó giám đốc
 - o Kế toán trưởng
 - o Các phòng, ban nghiệp vụ
 - o Các đơn vị trực thuộc

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là Vận tải hành khách công cộng, Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty sử dụng vận tải hành khách công cộng sản phẩm là những hành khách góp phần làm giảm ùn tắc giao thông trọng toàn thành phố.

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

- **Rủi ro về kinh tế:**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của kinh tế nước nhà. Vận tải hành khách công cộng dần dần phát triển và đi vào hoạt động làm giảm ùn tắc của thành phố.

Lãi suất: Đối với doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong nguồn vốn hoạt động, Lãi suất biến động sẽ có những tác động đáng kể hoạt động của công ty. Khi lãi suất tăng sẽ kéo theo chi phí sử dụng vốn tăng, làm lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống và ngược lại, Rủi ro biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng cực lớn đến khả năng sinh lời nhuận của Công ty.

- **Rủi ro luật pháp**

Là một Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp, luật thuế, và các Nghị định thông tư, văn bản hướng dẫn Luật, Ngoài công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan hướng dẫn. Việc chủ động nghiên cứu nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty tăng lợi nhuận.

- **Rủi ro kinh doanh:**

Ngoài những rủi ro trên hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh là đối thủ cạnh tranh với nhiều Công ty khác. Mặt khác dự án đường Sắt trên cao đang xây dựng làm ùn tắc gây ảnh hưởng đến các chuyến lượt, công tác điều hành trên tuyến và thời gian chuyển đi của hành khách bị kéo dài.

Giá xăng dầu tăng, giảm liên tục nên người dân sử dụng phương tiện cá nhân tăng lên, làm ảnh hưởng đến lượng hành khách đi lại sử dụng bằng phương tiện xe buýt công cộng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (5 tháng cuối năm)(đ) (đơn vị tính : đồng)	Năm 2016	% tăng giảm
1	Km Vận doanh	3.112.131	7.246.318,75	232,84
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.203.573.818	135.219.992.133	236,38
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	13.299.544	58.397.470	439,09
4	Chi phí tài chính	820.701.617	1.925.218.242	234,58
5	Giá vốn hàng bán	50.570.039.448	118.690.181.510	234,70
6	Chi phí bán hàng	-		
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.529.353.812	12.665.320.217	229,06
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	296.778.485	1.835.177.313	618,37
9	Lợi nhuận khác	-		
10	Lợi nhuận trước thuế	296.778.485	1.835.177.313	618,37
11	Thuế TNDN (22%)	65.291.267	400.922.523	614,05
12	Lợi nhuận sau thuế	231.487.218	1.603.690.095	692,78
13	Nộp ngân sách	108.135.585	641.235.536	592,99

Nguyên nhân: Năm 2015 đi vào hoạt động công ty cổ phần với 5 tháng đến năm đến 2016 thì thực hiện 12 tháng nên so sánh số liệu có nhiều biến động. Công ty chuyển đổi mô hình mới là công ty cổ phần bước đầu đi vào hoạt động nên gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo điều hành tốt của Chủ tịch hội đồng quản trị, Ban giám đốc cũng như sự phối hợp nhịp nhàng của các CBCNB nên cũng đạt được một số thành tựu.

- Do đây là kỳ hoạt động thứ hai của Công ty Cổ phần sau khi chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh nên công ty cổ phần so sánh.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành:

- Nguyễn Thanh Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị .
- Ngô Xuân Phú- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành
- Chu Danh Lợi – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc.
- Dương Minh Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc .
- Nguyễn Thị Thanh Vân – Kế toán trưởng.
- Trần Quang Tuyền – Trưởng phòng nhân sự.

Những thay đổi trong ban điều hành:

Công ty đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc điều hành đối với ông Nguyễn Anh Toàn (nhận nhiệm vụ mới do Tổng công ty giao) và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và chủ tịch Hội đồng quản trị là Nguyễn Thanh Nam và giám đốc điều hành đối với Ông Ngô Xuân Phú.

Số lượng cán bộ công nhân viên: 544 người

Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Các chính sách đối với người lao động được thực hiện theo quy định của nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và an toàn bảo hộ lao động đầy đủ. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị người lao động, và ký thỏa ước lao động nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	92.587.719.335	86.002.943.295	92,89
2	Doanh thu thuần	57.203.573.818	135.219.992.133	236,38
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	296.778.485	2.004.612.618	675,46
4	Giá vốn hàng bán	50.570.039.448	118.690.181.510	234,70
4	Lợi nhuận khác	-		
5	Lợi nhuận trước thuế	296.778.485	2.004.612.618	675,46
6	Thuế TNDN (22%; 20%)	65.291.267	400.922.523	614,05
7	Lợi nhuận sau thuế	231.487.218	1.603.690.095	692,78
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	46	321	697,83

Do đây là kỳ hoạt động thứ hai của Công ty cổ phần sau khi chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh kỳ thứ nhất hoạt động có 5 tháng nên số liệu chênh lệch.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
A	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,6 lần	2,23	139,38
2	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ- hàng tồn kho</u>	1,6 lần	2,09	130,63

	Nợ ngắn hạn			
B	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,45	0,39	86,67
2	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,84	0,66	78,57
C	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1.	Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,3 lần	2,17	94,35
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	61,78	157,23	254,50
D	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	0,40	1,19	297,5
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,46	3,21	697,83
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,25	1,86	744

Với các chỉ tiêu tài chính tổng hợp trên có thể kết luận:

- Công ty đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và sẵn có vốn lưu động để thanh toán ngay các khoản nợ khi đến hạn.
- Với tỷ trọng nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu thể hiện công ty luôn tự chủ về tài chính.
- Vốn của các cổ đông được bảo toàn và phát triển.

Như vậy, có thể đánh giá tình hình tài chính của công ty cho năm kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 là lành mạnh và an toàn.

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần: **5.000.000 cổ phần**

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
	<i>Cổ đông tổ chức</i>			
1	Tổng công ty vận tải Hà Nội	1.750.000	17.500.000.000	35,000%
2	Công ty Cổ phần Parus (Cổ đông chiến lược)	800.000	8.000.000.000	16,000%
	<i>Cổ đông cá nhân</i>			
3	Cổ đông trong công ty	460.606	4.606.000.000	9,212%
4	Cổ đông ngoài công ty	1.989.100	19.894.000.000	37,788%
	Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100,000%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Trách nhiệm với môi trường, cộng đồng và xã hội

a) Tiêu thụ dầu

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, nguồn nhiên liệu chính được Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh sử dụng là dầu. Khối lượng dầu Công ty sử dụng trong năm 2016 là 2.192.44 lít với tổng chi phí là 25.369.533.510 VNĐ. Định hướng trong những năm tiếp theo, Công ty dự định nâng cấp dàn xe theo hướng hiện đại hơn để giảm tiêu hao nhiên liệu cũng như các tác động xấu tới môi trường

b) Tiêu thụ điện

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu vào hoạt động của khối văn phòng. Năm 2016, tổng lượng tiêu thụ của Công ty là 87.362kWh tương đương mức chi phí 244.099.680 VNĐ. Để giảm thiểu tiêu thụ điện, Công ty thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện.

c) Tiêu thụ nước

Năm 2016, Công ty sử dụng 1.548 m³ nước với chi phí là 65.512.988VNĐ

d) Chính sách đối với người lao động

- Thống kê lao động: Tính đến 31/12/2016, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh có tổng cộng 544 lao động, trong đó:

STT	Phân loại lao động	Số lượng
I	Theo giới tính	
	- Nam	507
	- Nữ	35
II	Theo trình độ học vấn	
	- Đại học và trên Đại học	58
	- Cao đẳng	17
	- Trung cấp	35
	- Lao động phổ thông	434

- Mức lương trung bình của mỗi cán bộ công nhân viên năm 2016 là 6.250.000VNĐ/người/tháng.
- Công tác chăm sóc đời sống người lao động: đã thường hiệu quả sản xuất kinh doanh đến từng người lao động trong Công ty vào Tết nguyên đán, giỗ Tổ (10/3 âm lịch) và ngày 30/4, 01/5. Mặc dù trong giai đoạn đầu khi Công ty mới đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Ban lãnh đạo Công ty với phương châm “Chung sức, đồng lòng”, thường xuyên quan tâm đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập... cho người lao động từ đó đã tạo được tâm lý hăng say lao động, sự gắn bó của CB-CNV với Công ty.

Ngoài ra Công ty còn quan tâm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV toàn Công ty, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa vào ngày thương binh liệt sỹ 27/7 và công tác khác.

- Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn tuân thủ tốt và chủ động nắm bắt, cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường.

e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh luôn ý thức việc phát triển gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc đóng góp một phần công sức vào sự phát triển của hệ thống giao thông công cộng thành phố Hà Nội, Công ty cũng có những hoạt động thiện nguyện như:

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
	Km Vận doanh	Km	3.112.131	7.246.318,75	229,63
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	57.203.573.818	135.219.992.133	236,38
	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đồng	13.229.544	58.397.470	441,42
	Chi phí tài chính	Đồng	820.701.617	1.925.218.242	234,58
	Chi phí bán hàng	Đồng	0		
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	5.529.353.812	12.665.320.217	229,06
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	296.778.485	2.004.612.618	675,46
	Lợi nhuận khác	Đồng	0		
	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	296.778.485	2.004.612.618	675,46
	Thuế TNDN (22%)	Đồng	65.291.267	400.922.523	614,05
	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	231.487.218	1.603.690.095	692,78
	Nộp ngân sách	Đồng	108.135.585	716.544.330	662,64

- Do đây là kỳ hoạt động thứ hai của Công ty cổ phần sau khi chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh với hoạt động kỳ thứ nhất có 5 tháng nên số liệu so sánh chênh lệch nhau.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được : Công ty đã đặt hàng với UBND TP Hà Nội, công ty đã mua bổ sung thêm 10 xe để cho xe đi vào hoạt động tháng 12 đã thêm tuyến 21B đi vào hoạt động. Nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh bao gồm tài sản ngắn hạn (Tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, và hàng tồn kho....) Tuy nhiên tài sản chính của Công ty là tài sản dài hạn (bao gồm tài sản cố định và các hạng mục công trình và một số tài sản khác.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại của công ty nợ ngắn hạn

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Hiện tại ngân hàng cho vay lãi cao. Công ty đang tích cực và quyết liệt thương thảo nhằm giảm chi phí lãi vay đối với các tổ chức tín dụng có lãi suất cao đưa ra chiến lược cũng như biện pháp về tài chính thích hợp nhất góp phần giảm gánh nặng trong chi phí SXKD.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã và đang sẽ tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ và các lớp đào tạo về chuyên ngành quản lý để xây dựng doanh nghiệp với bộ máy quản lý vững chắc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng tập thể CBCNV Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Liên Ninh đã đoàn kết, nhất trí với nhau cùng vượt qua khó khăn, thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, Thực tế một số thành quả đạt được rất đáng khích lệ, triển khai thực hiện các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc đã xây dựng chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý, năm, trên cơ sở chương trình công tác đó để điều hành và chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Ban giám đốc đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả, vượt kế hoạch chỉ tiêu đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Xuân Phú	Thành viên HĐQT, GD
3	Chu Danh Lợi	Thành viên HĐQT, Phó GD
4	Dương Minh Thắng	Thành viên HĐQT, Phó GD
5	Đoàn Thái Bình	Thành viên HĐQT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã rất sát sao trong việc chỉ đạo, quyết định và giám sát các nội dung công việc đã thông qua. Năm 2016 đã tổ chức 04 cuộc họp hội đồng quản trị thống nhất được các nội dung quan trọng mang lại lợi ích cho đơn vị

Ban chấp hành đảng ủy công ty, Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng giám đốc, Công ty đã xây dựng và Ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.

Ban hành đầy đủ kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của đơn vị: Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, phối hợp làm việc....để triển khai kịp thời các nội dung công việc do Đảng ủy cấp trên, Đại Hội đồng cổ đông của cơ quan quản lý nhà nước.

Thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo đúng: Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, các quy chế, quy định, quyết định... do nhà nước, Hội Đồng quản trị ban hành, sát thực với tình hình điều kiện thực tế của Công ty, của cổ đông chi phối, của Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đủ tính pháp lý, kịp thời làm cơ sở đảm bảo Ban điều hành triển khai toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế tại đơn vị.

Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo đề nghị của Ban giám đốc điều hành.

Quản lý điều hành công ty tuân thủ cả quy định của pháp luật

Chủ động quan hệ với địa phương, các Bộ, ngành Trung ương, đơn vị chủ quản ngành góp phần tăng thêm sức mạnh, tìm kiếm sự ủng hộ cho hoạt động phát triển của công ty .

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị cho ý kiến về các nội dung trình của Giám đốc nhằm đi đến thống nhất nội dung triển khai thực hiện.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Ông Nguyễn Thanh Nam: Chủ tịch HĐQT - thạc sỹ kinh tế

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Bà Nguyễn Minh Chi – Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Ngoan – Thành viên Ban kiểm soát

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, qua đó theo dõi, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định và lợi ích hợp pháp cho đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Chức danh	Số người	Tiền	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	36.000.000	Thù lao
2	TV HĐQT	4	96.000.000	Thù lao
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	24.000.000	Thù lao
4	TV ban kiểm soát	2	24.000.000	Thù lao
5	Thư ký	1	12.000.000	Thù lao
	Cộng	9	192.000.000	

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động cũng như quy định quản trị công ty trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tổ chức.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

C.P.V. & D.V.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xi nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và được đăng ký lần đầu ngày 31/7/2015.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/8/2015 về việc cấp lại mã số doanh nghiệp của Công ty là 0106953041, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ ba (03) ngày 10/10/2016 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Lien Ninh transport and Service Joint stock company.

Tên viết tắt: Lien Ninh Transerco

Địa chỉ Công ty: Km 15+200, quốc lộ 1A, thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ Công ty: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 24/4/2016)
	Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 24/4/2016)
	Ông Ngô Xuân Phú	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 8/12/2016)
	Ông Chu Danh Lợi	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2016)
	Ông Đoàn Thái Bình	Ủy viên
	Ông Dương Minh Thắng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Ngô Xuân Phú	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2016)
	Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2016)
	Ông Chu Danh Lợi	Phó Giám đốc
	Ông Dương Minh Thắng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

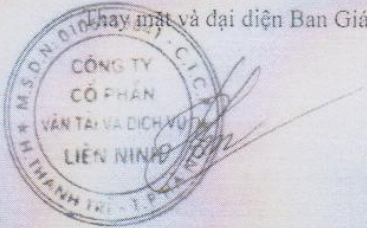
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Ngô Xuân Phú
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Số: 268/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

530
G TY
HÂN
DỊCH
JINH
T.P

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

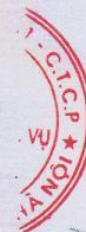


Đinh Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.155.655.379	32.328.796.243
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.611.882.541	9.865.631.787
1. Tiền	111		12.611.882.541	9.865.631.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.824.244.985	20.301.887.061
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.717.252.800	20.023.342.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	26.992.185	278.545.061
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	2.570.435.213	2.161.277.395
1. Hàng tồn kho	141		2.570.435.213	2.161.277.395
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.092.640	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	149.092.640	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.847.287.916	60.258.923.092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.170.174.682	59.861.720.264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	44.170.174.682	59.861.720.264
- Nguyên giá	222		147.517.926.585	145.850.070.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.347.751.903)	(85.988.350.571)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		677.113.234	397.202.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	677.113.234	397.202.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		86.002.943.295	92.587.719.335

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

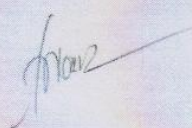
	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		34.167.765.982	42.356.232.117
I. Nợ ngắn hạn	310		18.398.296.982	20.624.936.117
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	5.932.086.413	8.685.482.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	-	75.308.794
4. Phải trả người lao động	314		7.655.153.224	8.572.893.104
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	1.027.883.782	374.677.600
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	207.658.563	2.903.183.825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	3.628.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(52.485.000)	13.390.000
II. Nợ dài hạn	330		15.769.469.000	21.731.296.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		1.269.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	14.500.469.000	21.731.296.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.835.177.313	50.231.487.218
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	51.835.177.313	50.231.487.218
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.835.177.313	231.487.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		231.487.218	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.603.690.095	231.487.218
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		86.002.943.295	92.587.719.335
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

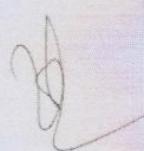
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan



Nguyễn Thị Thanh Vân



Ngô Xuân Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 31/7/2015 đến	
			Năm 2016	31/12/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	135.219.992.133	57.203.573.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		135.219.992.133	57.203.573.818
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	118.690.181.510	50.570.039.448
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.529.810.623	6.633.534.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	58.397.470	13.299.544
7. Chi phí tài chính	22	5.16	1.925.218.242	820.701.617
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.925.218.242	820.701.617
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	12.665.270.117	5.529.353.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.997.719.734	296.778.485
11. Thu nhập khác	31		7.771.000	-
12. Chi phí khác	32		878.116	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		6.892.884	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.004.612.618	296.778.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	400.922.523	65.291.267
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.603.690.095	231.487.218
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	321	46

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan

Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngô Xuân Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

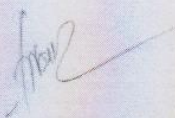
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Từ 31/7/2015
			VND	đến 31/12/2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.004.612.618	296.778.485
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		17.359.401.332	7.230.485.818
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58.397.470)	(13.299.544)
- Chi phí lãi vay	06		1.925.218.242	820.701.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.230.834.722	8.334.666.376
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.527.430.368)	(14.438.862.813)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(409.157.818)	160.739.949
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.242.974.868)	13.621.316.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(279.910.406)	263.416.494
- Tiền lãi vay đã trả	14		(920.145.798)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(600.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		17.000.000	107.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(98.506.430)	(250.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.169.709.034	7.797.726.969
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.667.855.750)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		58.397.470	13.299.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.609.458.280)	13.299.544
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.628.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.442.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.814.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.746.250.754	7.811.026.513
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.865.631.787	2.054.605.274
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		12.611.882.541	9.865.631.787

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

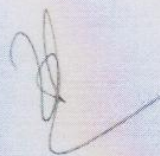
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan



Nguyễn Thị Thanh Vân




Ngô Xuân Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và được đăng ký lần đầu ngày 31/7/2015.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/8/2015 về việc cấp lại mã số doanh nghiệp của Công ty là 0106953041, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ ba (03) ngày 10/10/2016 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Lien Ninh transport and Service Joint stock company.

Tên viết tắt: Lien Ninh Transerco

Địa chỉ Công ty: Km 15+200, quốc lộ 1A, thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ Công ty: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

Cổ đông	Vốn góp VND	Tỷ lệ
1. Vốn Nhà nước (Tổng Công ty Vận tải Hà Nội)	17.500.000.000	35,0%
2. Các Cổ đông khác	32.500.000.000	65,0%
Tổng	50.000.000.000	100%

Số lao động bình quân trong kỳ: 542 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Vận tải bằng xe buýt; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ khác (chỉ tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Cho thuê xe có động cơ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường); Bốc xếp hàng hóa; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn ô tô (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Vận tải hành khách bằng xe buýt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là kỳ hoạt động đầu tiên của công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08
Máy móc và thiết bị	02-06
Thiết bị văn phòng	02-04
Phương tiện vận tải	02-08

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	647.363.739	263.502.201
Tiền gửi ngân hàng	11.580.218.802	9.602.129.586
Tổng	12.611.882.541	9.865.631.787

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	25.717.252.800	20.023.342.000
<i>Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>	<i>7.431.120.800</i>	<i>19.955.542.000</i>
<i>Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông đô thị</i>	<i>18.286.132.000</i>	-
<i>Các khách hàng khác</i>	-	<i>67.800.000</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	25.717.252.800	20.023.342.000

5.3 Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	26.992.185	-	278.545.061	-
- Tạm ứng	-	-	27.000.000	-
- Phải thu khác	26.992.185	-	251.545.061	-
<i>Phải thu Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>	-	-	<i>216.436.709</i>	-
<i>BHXX nộp thừa</i>	<i>14.498.960</i>	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>12.493.225</i>	-	<i>35.108.352</i>	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	26.992.185	-	278.545.061	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.526.383.574	-	2.112.749.190	-
Công cụ, dụng cụ	44.051.639	-	48.528.205	-
Tổng	2.570.435.213	-	2.161.277.395	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	19.480.212.335	1.772.020.000	124.348.377.000	249.461.500	145.850.070.835
Tăng trong năm	1.013.734.750	-	560.005.000	94.116.000	1.667.855.750
Mua trong năm	1.013.734.750	-	560.005.000	94.116.000	1.667.855.750
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	20.493.947.085	1.772.020.000	124.908.382.000	343.577.500	147.517.926.585
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	7.779.003.312	994.167.028	76.996.261.592	218.918.639	85.988.350.571
Tăng trong năm	1.716.563.005	262.251.775	15.361.838.277	18.748.275	17.359.401.332
Khấu hao trong năm	1.716.563.005	262.251.775	15.361.838.277	18.748.275	17.359.401.332
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	9.495.566.317	1.256.418.803	92.358.099.869	237.666.914	103.347.751.903
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	11.701.209.023	777.852.972	47.352.115.408	30.542.861	59.861.720.264
Tại 31/12/2016	10.998.380.768	515.601.197	32.550.282.131	105.910.586	44.170.174.682

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	-	-
Chi phí trả trước về Thuế hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-
Dài hạn	677.113.234	397.202.828
Công cụ dụng cụ	455.244.252	397.202.828
Chi phí sửa chữa	221.868.982	-
Tổng	677.113.234	397.202.828

5.7 Phải trả khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số có		Số có	
	Giá trị ghi sổ	khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	5.932.086.413	5.932.086.413	8.685.482.794	8.685.482.794
- Công ty Cổ phần	3.570.228.410	3.570.228.410	7.488.099.500	7.488.099.500
Xăng dầu chất đốt	-	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.361.858.003	2.361.858.003	1.197.383.294	1.197.383.294
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.932.086.413	5.932.086.413	8.685.482.794	8.685.482.794

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
Phải nộp	75.308.794	641.235.536	716.544.330	-
Thuế giá trị gia tăng	6.459.091	196.449.628	202.908.719	-
Thuế TNDN	65.291.267	400.922.523	466.213.790	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.558.436	21.338.714	24.897.150	-
Thuế tài nguyên	-	2.146.420	2.146.420	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.878.251	15.878.251	-
Thuế môn bài và thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Phải thu	-	-	149.092.640	149.092.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	133.786.210	133.786.210
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	15.302.850	15.302.850
Thuế tài nguyên	-	-	3.580	3.580

5.9 Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.027.883.782	374.677.600
Chi phí ăn ca	205.665.000	210.547.500
Chi phí điểm đỗ, bến bãi	72.968.900	71.900.000
Chi phí khác	749.249.882	92.230.100
Dài hạn	-	-
Tổng	1.027.883.782	374.677.600

5.10 Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	207.658.563	2.903.183.825
Kinh phí công đoàn	206.808.563	-
Bảo hiểm xã hội	-	11.610.209
Phải trả về cổ phần hóa	-	49.886.999
Các khoản phải trả, phải nộp khác	850.000	1.530.686.617
<i>Phải trả Tổng Công ty</i>	-	<i>1.520.701.617</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>850.000</i>	<i>9.985.000</i>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	1.311.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	207.658.563	2.903.183.825

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.628.000.000	3.628.000.000	3.628.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	3.628.000.000	3.628.000.000	3.628.000.000	-	-	-
Vay dài hạn	14.500.469.000	14.500.469.000	-	7.230.827.000	21.731.296.000	21.731.296.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	14.500.469.000	14.500.469.000	-	7.230.827.000	21.731.296.000	21.731.296.000
Tổng	18.128.469.000	18.128.469.000	3.628.000.000	7.230.827.000	21.731.296.000	21.731.296.000

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/16/NHNT.HN-LIENNINH ngày 29/06/2016 giữa Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Khoản vay có tổng giá trị tối đa là 19.942.469.000 VND (Bằng chữ: Mười chín tỷ chín trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu chín nghìn đồng Việt Nam) để tách hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội số 02.13/NHNT-TCTVT ngày 14/10/2013 của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - dự án "đầu tư thay thế bổ sung xe buýt quý II năm 2013" và "đầu tư thay thế bổ sung xe buýt quý II năm 2013" đối với Phương tiện tuyến xe buýt số 09 do Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh quản lý và chuyển giao chủ thể vay vốn từ Tổng Công ty Vận tải Hà Nội sang Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh.

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 31/7/2015	10.691.860.425	39.308.139.575	-	50.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	231.487.218	231.487.218
Chuyển từ DNNN sang CTCP	39.308.139.575	(39.308.139.575)	-	-
Số dư tại 31/12/2015	50.000.000.000	-	231.487.218	50.231.487.218
Số dư tại 01/01/2016	50.000.000.000	-	231.487.218	50.231.487.218
Lãi trong năm nay	-	-	1.603.690.095	1.603.690.095
Số dư tại 31/12/2016	50.000.000.000	-	1.835.177.313	51.835.177.313

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn Nhà nước (Tổng Công ty Vận tải Hà Nội)	17.500.000.000	17.500.000.000
Các Cổ đông khác	32.500.000.000	32.500.000.000
Tổng	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Từ 31/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	50.000.000.000	10.691.860.425
Vốn góp tăng trong kỳ (đánh giá lại tài sản)	-	39.308.139.575
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức đã chia		-
Phân phối các quỹ		-

d. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Cổ phiếu phổ thông		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ xe buýt	133.255.495.861	57.079.392.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.964.496.272	124.181.818
Tổng	135.219.992.133	57.203.573.818

5.14 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ xe buýt	118.690.181.510	50.570.039.448
Tổng	118.690.181.510	50.570.039.448

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.397.470	13.299.544
Tổng	58.397.470	13.299.544

5.16 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi tiền vay	1.925.218.242	820.701.617
Tổng	1.925.218.242	820.701.617

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.714.218.537	3.562.157.374
Chi phí vật liệu quản lý	-	38.633.659
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.315.640	255.379.468
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.122.436.154	863.529.905
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	1.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.248.024.076	99.663.754
Chi phí bằng tiền khác	2.464.275.710	708.489.652
Tổng	12.665.270.117	5.529.353.812

5.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2004612618	296.778.485
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.004.612.618	296.778.485
Thuế TNDN phải nộp	400.922.523	65.291.267
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	400.922.523	65.291.267

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.603.690.095	231.487.218
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.603.690.095	231.487.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	321	46

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.620.341.702	14.923.845.867
Chi phí nhân công	56.138.857.759	28.048.707.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.359.401.332	7.230.485.818
Chi phí dự phòng	2.460.628.835	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.405.650.846	1.560.526.619
Chi phí khác bằng tiền	6.870.499.068	967.751.205
Tổng	130.855.379.542	52.731.316.843

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	192.000.000	99.000.000
Ban Giám đốc	Thu nhập		

Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty Mẹ	7.431.120.800	19.955.542.000
Phải thu khác			
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty Mẹ	-	216.436.709
Các khoản phải trả khác			
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty Mẹ	-	-

Bán hàng	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	Từ 31/07/2015 đến 31/12/2015 VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Dịch vụ vận chuyển xe buýt	110.179.857	57.079.392.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, vệ sinh, bảo trì	-	136.750.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin so sánh

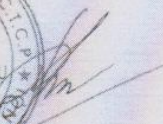
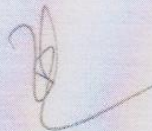
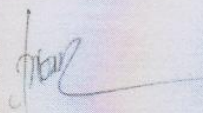
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 31/7/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan

Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngô Xuân Phú

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

GIÁM ĐỐC



Ngô Xuân Phú

